

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nguyễn Đình Tấn*

Trước khi bàn về biến đổi cơ cấu xã hội (CCXH) ở Việt Nam, chúng ta cần thống nhất cách hiểu thế nào là CCXH và thế nào là biến đổi CCXH; Biến đổi CCXH có quan hệ như thế nào với biến đổi cơ cấu kinh tế nói riêng, với biến đổi xã hội nói chung.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về CCXH, song theo tác giả, để tiện cho việc bàn luận những vấn đề tiếp theo, có thể đưa ra một quan niệm sau đây về CCXH: "CCXH là một "mô hình cấu trúc", một chỉnh thể thống nhất, "động", tương đối ổn định giữa các quan hệ xã hội và các nhóm xã hội cơ bản (giai cấp, nghề nghiệp, nhân khẩu, lãnh thổ, dân tộc, tôn giáo), đan kết vào nhau, và được sắp xếp theo cả cấu trúc "ngang" và cấu trúc "dọc" tạo ra "bộ khung" cho sự vận động và phát triển của xã hội. Những thành tố cơ bản của CCXH là nhóm, vị thế, vai trò, mạng lưới và các thiết chế.

Theo định nghĩa trên, CCXH được hiểu như là "mô hình cấu trúc", một chỉnh thể thống nhất giữa các quan hệ xã hội và các thành phần xã hội (nhóm xã hội); "một hệ thống đa cơ cấu tự

* Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nhiên" cơ cấu xã hội nhiều chiều, nhiều khía cạnh, nhiều cấp độ, trong đó, các đơn vị cấu thành của nó được sắp xếp, phân bố liên hệ với nhau không phải một cách tùy tiện ngẫu nhiên mà theo một trật tự xác định hợp lý, tương đối ổn định và có sự lặp lại như vậy ở những xã hội khác nhau.

Có thể xem phản đề của CCXH là sự hỗn loạn, tình trạng vô trật tự, vô tổ chức, không định dạng và nhận biết được.

CCXH là một cấu trúc tự nhiên, vừa có những nét chung phổ biến về mặt cơ cấu với mọi khách thể vật chất tự nhiên khác, song lại vừa có những nét đặc thù của xã hội; bởi những thành tố cấu thành nó không phải là những khách thể tự nhiên thuần túy mà là những nhóm xã hội với những con người biết lao động và có tư duy.

CCXH có cả cấu trúc "ngang" và cấu trúc "dọc", đan kết vào nhau tạo ra "bộ khung" cho sự vận động và phát triển của xã hội. Các thành tố cơ bản của CCXH là: nhóm xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội và mạng lưới xã hội.

CCXH là sự thống nhất giữa mặt ổn định và sự biến đổi; nếu so sánh với lịch sử và sự tiến hóa là cái luôn có xu hướng vừa duy trì một phần cái cũ, lặp lại cái cũ, vừa có xu hướng liên tục biến đổi, phá vỡ cái cũ, sắp xếp lại cái cũ để hình thành nên những xã hội mới thì CCXH là cái tương đối ổn định hơn, tương đối "bền bỉ" hơn, ít biến động hơn so với lịch sử tiến hóa.

CCXH và cơ cấu kinh tế có quan hệ qua lại biện chứng với nhau. Trước hết phải thấy rằng CCXH được hình thành trên cơ sở của sản xuất, của cơ cấu kinh tế. Sự biến đổi của CCXH có nguyên nhân sâu xa từ những biến đổi trong sản xuất, trong cơ cấu kinh tế. Nếu sản xuất phát triển, cơ cấu kinh tế biến đổi, sẽ kéo theo sự biến đổi của CCXH. Hình thành trên cơ sở kinh tế, cơ cấu kinh tế

và những nhân tố chính trị - xã hội khác, đến lượt nó, CCXH cũng có sự tác động trở lại cơ cấu kinh tế, đến sản xuất cũng như cơ cấu quyền lực chính trị và các yếu tố khác của thượng tầng kiến trúc. Nó có thể tham gia tích cực vào quá trình phân bổ và phân bổ lại kinh tế, kích thích tính tích cực của người lao động, điều hoà các quan hệ lợi ích, tạo ra sự liên doanh liên kết và sự thống nhất, đồng bộ trong lao động, thúc đẩy việc nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới cơ chế quản lý và vận hành kinh tế. Nó cũng có thể góp phần hình thành nên một cơ cấu quyền lực chính trị mới, chắc chắn, năng động hướng tới công bằng, tiến bộ và văn minh xã hội.

Ngược lại, nó có thể kìm hãm sự phát triển của sản xuất, làm méo mó cơ cấu kinh tế, quan liêu hoá và xơ cứng bộ máy, nuôi dưỡng sự bất bình, xung đột, tích tụ nguy cơ rối loạn, đổ vỡ xã hội.

Sự phát triển hay thoái bộ của xã hội có nguồn gốc nội sinh từ những biến đổi của CCXH mà nguyên nhân sâu xa suy cho cùng là những biến đổi trong sản xuất, trong kinh tế, sự thống nhất và đấu tranh của những mặt đối lập, sự xung đột lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, tập đoàn xã hội.

Với cách hiểu chung và khái quát về phương diện lý luận như vậy, chúng ta có thể đem soi rọi vào thực tiễn đổi mới trên 25 năm qua để thấy được những biến đổi trong cơ cấu xã hội nước ta.

Trước hết, đó là sự biến đổi của CCXH tổng thể (biến đổi vĩ mô). Chúng ta đã dứt khoát từ bỏ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng nền kinh tế đa thành phần, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa. Gắn liền với quá trình đó và kéo theo đó là sự biến đổi một cách tương ứng cơ cấu

xã hội giai cấp (theo cách hiểu truyền thống). Đầu tiên phải kể đến là giai cấp công nhân tăng nhanh về mặt số lượng, chất lượng (kể cả số lượng tuyệt đối cũng như tỷ trọng trong dân cư). Hàm lượng lao động có trình độ công nghệ cao, tay nghề cao gia tăng một cách đáng kể. Giai cấp nông dân vẫn tăng mạnh về mặt số lượng song tỷ trọng trong dân cư giảm. Lao động dịch vụ tăng và sẽ còn tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới.

Đặc biệt là sự gia tăng nhanh chóng thành phần kinh tế tư nhân trong đó có sự lớn mạnh đáng kể của tầng lớp doanh nhân. Cả nước hiện có trên 3 triệu hộ sản xuất kinh doanh, trên 500.000 doanh nghiệp với cả triệu doanh nhân. Sự lớn mạnh không ngừng của tầng lớp doanh nhân cũng như sự đa dạng phong phú của nó (bao gồm: nguồn gốc xuất thân, tuổi, các đặc trưng theo giới, trình độ học vấn, quy mô, loại hình, vốn đầu tư hoạt động, liên kết tổ chức, lĩnh vực, vùng miền sản xuất, đầu tư, kinh doanh) sẽ tạo ra một cục diện mới trong nền kinh tế, sự thay đổi cơ cấu xã hội cũng như những nhu cầu bức bách hơn của việc cần thiết phải có những thay đổi trong chính sách, thể chế pháp luật cho phù hợp.

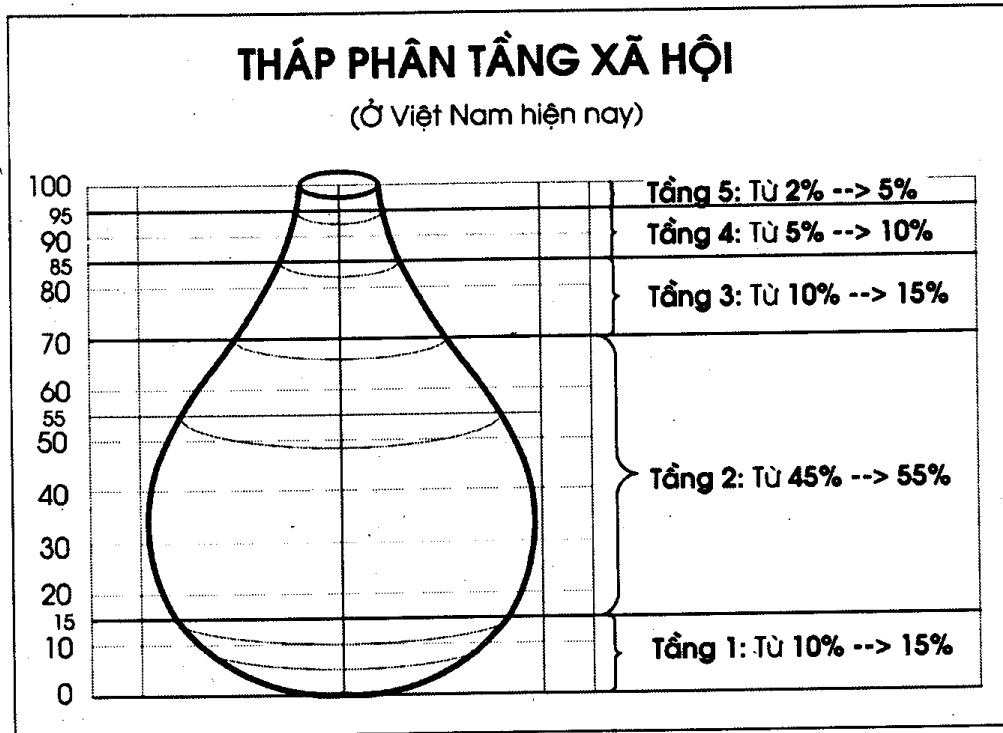
Tầng lớp trí thức Việt Nam trong thời kỳ đổi mới cũng có những biến đổi quan trọng. Trí thức Việt Nam tăng nhanh về số lượng, đa dạng hoá trong cơ cấu nghề nghiệp và lĩnh vực hoạt động. Tầng lớp trí thức phát triển mạnh trong công nghệ thông tin, lĩnh vực dầu khí, điện tử, bưu chính viễn thông. Đáng chú ý là đã có một số lượng lớn trí thức làm việc trong các khu vực kinh tế tư nhân, với nước ngoài và làm việc ở ngoài nước. Trí thức không chỉ làm việc gián tiếp mà ngày càng tăng lên nhiều hơn lực lượng tham gia lao động trực tiếp tạo ra của cải vật chất, sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; không chỉ làm việc trong lĩnh vực văn hoá, tinh thần, giáo dục, đào tạo mà còn trực tiếp tham gia sản xuất vật chất,

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

tham gia rộng rãi trong các lĩnh vực kinh tế - chính trị, ngoại giao, quân sự, các cơ quan lập pháp, tư pháp, hành pháp cũng như hoạt động lãnh đạo, quản lý ở các cấp. Đã có nhiều trí thức trở thành các doanh nhân, cùng đồng hành "4 nhà" với doanh nhân, người lao động và đang dần lớn mạnh trở thành một lực lượng xã hội quan trọng thời đổi mới.

Song hành với những biến đổi trong cơ cấu giai cấp hiểu theo nghĩa truyền thống nói trên là sự vận động theo "chiều dọc", "đi lên", "đi xuống" trong cấu trúc của xã hội. Đó là quá trình phân hóa, phân tầng xã hội mạnh mẽ. Từ một cấu trúc về cơ bản và phổ biến là ngang bằng nhau trước Đổi mới (thời bao cấp) thì cho đến nay đã xuất hiện một xã hội có "cấu trúc tầng bậc" ngày càng rõ ràng, thay vì cho một mặt bằng xã hội nhìn chung là sần sần bằng nhau thì nay đã hình thành nên những giai tầng xã hội khác nhau về thu nhập, mức sống, địa vị kinh tế, hưởng thụ văn hóa, quyền lực chính trị và uy tín xã hội. Những giai tầng xã hội này chưa có tên gọi và cũng không đồng nhất với các giai cấp hay tầng lớp xã hội hiện có; nó cũng không phải một phép cộng cơ học, giản đơn của hai từ giai cấp và tầng lớp mà là sự hình thành phức tạp "đan kết" nhiều chiều thông qua những cơ động "ngang", "dọc", "vào", "ra" của những cá nhân, nhóm từ khắp các giai cấp, tầng lớp, tổ chức, đoàn thể xã hội.

Về đại thể, hiện nay ở Việt Nam đang hình thành nên một mô hình cấu trúc CCXH – giai tầng xã hội bao gồm 5 tầng từ 1 đến 5 theo thứ tự từ thấp đến cao (xem hình vẽ 1).



a. Tầng thứ năm (tầng "đỉnh")

Tầng xã hội này bao gồm những người có quyền lực cao như bộ trưởng, thứ trưởng, tỉnh trưởng, bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, chủ tịch các thành phố lớn; các trưởng ban trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và tương đương trở lên; tổng giám đốc các công ty, chủ tịch các tập đoàn sản xuất lớn, các trưởng phó ban quản lý dự án (PMU) lớn, dài hạn. Họ là những người có quyền lực chính trị, kinh tế, địa vị xã hội cao. Đa số trong họ là những người giàu, có thu nhập cao, nhiều tài sản. Những người này có thể được xếp vào tầng xã hội cao, tương đương với tầng lớp thượng lưu (dưới và giữa) ở các nước phương Tây.

b. Tầng thứ tư

Tầng xã hội này bao gồm các giám đốc sở, trưởng, phó các ban ngành và tương đương ở Trung ương, các tỉnh, thành phố; các

chủ tịch, bí thư huyện, quận; các giáo sư, chuyên gia khoa học giỏi có tay nghề cao, làm việc trong các cơ quan ứng dụng, triển khai, các doanh nghiệp lớn hoặc các giám đốc doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, đa số những người nói trên có địa vị kinh tế, xã hội, trình độ học vấn, nghề nghiệp khá cao, mức sống khá giả, có tài sản nhiều trên mức trung bình của xã hội. Những người này có thể được xếp vào giai tầng xã hội tương đối cao, có thể so sánh tương đương với tầng lớp trung lưu (giữa và trên) ở các nước phương Tây. Ở Việt Nam nếu xem xét thuần túy về mặt mức sống có thể xếp họ vào tầng lớp khá giả.

c. Tầng thứ ba

Tầng xã hội này bao gồm các trưởng phòng, ban nằm trong các cục, vụ viện thuộc các cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố, các chủ tịch xã, phường và tương đương; chánh, phó giám đốc các công ty, doanh nghiệp vừa và nhỏ; trưởng các đại lý dịch vụ, buôn bán hàng hoá; các nghệ nhân, các kỹ sư, bác sỹ, chuyên gia, công nhân có tay nghề cao (bậc 8, 9) làm việc trong các doanh nghiệp làm ăn tấn phát, các tổ chức cơ quan nước ngoài hoặc có lợi thế nghề nghiệp; các chủ trang trại (chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản) làm ăn phát đạt.

Họ được xếp tương đương với tầng lớp trung lưu dưới ở các nước phương Tây.

d. Tầng thứ hai

Tầng xã hội này bao gồm những cán bộ, công nhân, nhân viên, viên chức bình thường làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, giao thông, dịch vụ, sản xuất nhỏ, thủ công, mỹ nghệ... có việc làm ổn định, thu nhập ổn định. Họ là những người có địa vị chính trị, kinh tế, xã hội bình thường, có

thể xếp tương đương với những người lao động chân tay ở các nước phương Tây.

e. Tầng thứ nhất

Những người không có nghề nghiệp ổn định, học vấn, tay nghề thấp, không có tay nghề hoặc có nghề rồi song chưa kiếm được việc làm... Những người sống trong các gia đình đông con, ít lao động, đông nhân khẩu phụ thuộc; sức khoẻ yếu, hay ốm đau, hoặc gia đình có nhiều người đau bệnh, tàn tật, gặp nhiều rủi ro, thiên tai, địch hoạ... sống ở vùng sâu, vùng xa, đất đai canh tác ít, cằn cỗi, thời tiết khắc nghiệt, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, phong tục làm ăn lạc hậu...

Họ được xếp vào nhóm xã hội nghèo, yếu thế, dễ bị tổn thương, cần được hỗ trợ, ưu đãi... Những người này ở phương Tây được xếp vào tầng lớp hạ lưu (tầng đáy), tầng thấp nhất của xã hội.

Như vậy cấu trúc giai tầng xã hội ở nước ta không phải là một cấu trúc đơn giản theo nghĩa là có một giai cấp, tầng lớp nào đó ở vị trí cao nhất, còn các giai cấp, tầng lớp khác có thứ tự thấp dần xuống dưới mà đây là một cấu trúc tầng bậc "đan kết" (như phân tích ở trên).

Vì chưa có số liệu điều tra tổng thể, tác giả ước lượng như sau:

Tầng 1: từ 10-15% dân số

Tầng 2: từ 45-55% dân số

Tầng 3: từ 10-15% dân số

Tầng 4: từ 5-10% dân số

Tầng 5: từ 2-5% dân số

Cùng với tiến trình của công cuộc đổi mới, đặc biệt là sau Đại hội Đảng XI bắt đầu đi vào cuộc sống, cấu trúc "tầng bậc" trên sẽ

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

còn tiếp tục diễn tiến. Tuy nhiên, quá trình đó diễn ra không đơn giản, đơn tuyến mà có sự đan xen phức tạp giữa hai cấu trúc phân tầng xã hội "hợp thức" và phân tầng xã hội "không hợp thức"- một cấu trúc xã hội phù hợp với công bằng, đạo lý, pháp lý và một cấu trúc xã hội bất công, bất đạo lý và không phù hợp với pháp luật. Chúng ta có nhiều cơ sở để kỳ vọng vào cấu trúc phân tầng xã hội hợp thức sẽ ngự trị (thắng thế là dòng chảy chính) bởi con đường đổi mới của chúng ta là phát triển kinh tế thị trường, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do dân, của dân, vì dân điều hành quản lý. Song cũng không vì vậy mà chúng ta buông lỏng kỷ cương, pháp luật, chủ quan, mất cảnh giác, xem nhẹ cuộc đấu tranh đối với những thói hư tật xấu, những kẻ tha hóa, tham lam, trục lợi, biến chất, tham nhũng sâu mọt đang hình thành cũng như những quán tính xấu, phi đạo lý của quá khứ, không để gì nhỏ gò, bứt rứt trong ngày một ngày hai được.

Ngoài những biến đổi lớn, chính yếu nói trên, cũng đồng thời diễn ra những biến đổi hết sức quan trọng trong các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản của xã hội nước ta. Đó là những biến đổi trong cơ cấu xã hội nhân khẩu. Chúng ta đang bước vào thời kỳ "dư lợi dân số" - "cơ cấu dân số vàng". Đây sẽ là một vận hội lớn đối với sự phát triển của nước ta (với lực lượng trong độ tuổi lao động "cực đại") - dồi dào hơn bao giờ hết, song cũng có thể sẽ là một thách thức lớn, nếu chúng ta không nắm bắt và vận dụng được cơ hội quý hiếm này.

Với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cơ cấu xã hội lãnh thổ cũng sẽ có những biến động lớn. Cư dân đô thị sẽ tiếp tục tăng lên đáng kể vào những năm 2015, 2020. Và đây sẽ đặt ra những bài toán hết sức "hóc búa" đối với Đảng và Chính phủ ta trong sự phát triển bản thân đô thị, hướng tới văn minh, hiện đại, chất lượng cao cũng như phát triển hài hoà giữa

nông thôn và thành thị, giữa việc tăng trưởng nhanh với phát triển bền vững, giữa sự phát triển kinh tế xã hội với việc bảo vệ tốt môi trường tự nhiên.

Cũng trong văn kiện Nghị quyết XI, Đảng ta đã có chủ trương và chiến lược thích đáng nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Và lô gíc tự nhiên của nó là trong giai đoạn 2011 – 2015 cơ cấu xã hội dân tộc và tôn giáo cũng sẽ có những biến đổi đáng kể. Các loại hình tôn giáo sẽ đa dạng hơn, các dân tộc và tôn giáo sẽ thân thiện với nhau hơn, đoàn kết, tương trợ nhau sẽ thực chất hơn, hiệu quả hơn, ngày càng tiến tới bình đẳng hơn.